

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-02-2021.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG – TỈNH HẢI DƯƠNG**

- **Thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương Giang và bà Nguyễn Thị Thuý.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:*** Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 258/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/01/2021; **Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2021**, giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phụng Hoàng, xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2 - Bị đơn: Anh Lê Văn Th, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3 - Người làm chứng:

3.1. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3.2. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phụng Hoàng, xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Chị Hà Thị T và anh Lê Văn Th tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ngày 30/8/2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ anh Th ở xã Cao An. Anh chị chung sống bình thường đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm. Anh Th thường xuyên đi ra ngoài và chỉ về nhà chốc lát lại đi ngay, không quan tâm đến chị T. Chị đã về nhà bố mẹ để sinh sống từ tháng 8 năm 2019 đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ, hòa giải nhưng anh chị không thể dung hòa được. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị T đề nghị Tòa án cho chị ly hôn anh Th.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Y, sinh ngày 18/3/2013. Cháu Y đang ở với anh Th và ông, bà nội. Ban đầu, chị T đồng ý giao cháu Y cho anh Th nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th số tiền là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên. Do anh Th hiện nay thường không về nhà với con mà để cháu Y cho ông bà nội chăm sóc là chính. Vì vậy, khi ly hôn, chị T đề nghị được nuôi con chung. Chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị làm công nhân, thu nhập bình quân 6.000.000đ/tháng. Chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị. Bố mẹ đẻ chị tạo điều kiện cho mẹ con chị có chỗ ở ổn định, lâu dài.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn – anh Th đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Th đều vắng mặt.

Người làm chứng – ông Lê Văn T1 trình bày: Ông Thế là bố đẻ của anh Th. Ông nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Th và ông đã thông báo cho anh Th. Anh Th biết việc chị T xin ly hôn anh và có nói với ông là Tòa án cứ giải quyết theo yêu cầu của chị T, anh Th không đến Tòa án làm việc. Anh Th nhờ ông nhận hộ các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh. Anh Th và chị T kết hôn xong thì ở cùng nhà với vợ chồng ông Thế. Anh chị có mâu thuẫn đã lâu. Nguyên nhân là do anh Th mãi chơi, chị T không lo lắng vun vén gia đình, kinh tế gia đình thất thoát. Hai bên gia đình đã khuyên nhủ nhiều nhưng anh chị không thay đổi. Chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống gần một năm nay. Anh Th đi làm ăn nơi khác khoảng 5 tháng nay, không thường xuyên về nhà. Nay chị T xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Anh Th và chị T có một con chung. Hiện nay, vợ chồng ông Thế đang trực tiếp nuôi cháu. Ông T1 không có yêu cầu đề nghị gì đối với việc ông đã nuôi dưỡng cháu Ý thời gian qua. Ông đề nghị Tòa án cho anh Th được nuôi con chung. Ông bà tạo điều kiện về tài chính và chỗ ở ổn định, lâu dài để anh Th nuôi cháu Ý.

Bà Phạm Thị C – là mẹ đẻ của chị T trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị T. Anh Th và chị T kết hôn năm 2011 và ở cùng nhà với bố mẹ chồng. Quá trình chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th mãi chơi, vợ chồng thường cãi nhau. Bố mẹ hai bên đã gặp gỡ anh chị để phân tích, khuyên nhủ nhưng gần hai năm trở lại đây, anh chị mâu thuẫn nhiều hơn. Chị T về nhà bà sinh sống gần một năm nay. Anh chị có một con chung. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T. Bà Ca tạo điều kiện về chỗ ở và chăm sóc cháu Y giúp chị T khi chị bận công việc.

Cháu Y có nguyện vọng được ở với chị T.

Kết quả xác minh tại địa phương:

- Anh Lê Văn Th và chị Hà Thị T kết hôn và chung sống cùng nhau tại nhà của ông Thế và bà H (là bố mẹ đẻ của anh Th). Thời gian gần đây, chị T không còn ở nhà anh Th nữa. Anh Th thường vắng nhà nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà ông T1, bà H.

- Quá trình chung sống, anh Th và chị T không có biểu hiện mâu thuẫn vì không báo cáo với địa phương. Anh chị có một con chung hiện đang ở cùng với ông T1, bà H.

Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án do anh Th vắng mặt và chị T đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh Th đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chị Hà Thị T ly hôn anh Lê Văn Th. Về con chung: Giao con chung là Y, sinh ngày 18/3/2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho T. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn đã được tranh tụng tại phiên tòa, bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Anh Lê Văn Th đã được tổng đạt các văn bản tố tụng; Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người làm chứng đề nghị được vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hà Thị T và anh Lê Văn Th tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ngày 30/8/2011. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh Th là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ anh Th ở xã Cao An. Anh chị chung sống bình thường đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, kinh tế gia đình thất thoát. Chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8 năm 2019 đến nay, anh chị sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ, hòa giải nhưng anh chị không thể dung hòa được. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không thể hàn gắn được.

Lời khai của chị T về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của người làm chứng, cung cấp của địa phương và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực trạng hôn nhân của chị T và anh Th thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị là có thật và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. **Về con chung:** Anh chị có một con chung là Y, sinh ngày 18/3/2013. Cháu Y đang ở với anh Th và ông, bà nội. Khi chị T làm đơn ly hôn anh Th, anh chị đã có thỏa thuận là giao con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, hiện nay, anh Th thường không về nhà. Bố mẹ đẻ anh Th và địa phương không biết anh Th đi đâu, làm gì. Ông T1 và bà H là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y. Vì vậy, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Th đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hội đồng xét xử thấy chị T có đủ điều kiện về kinh tế và chỗ ở cũng như các điều kiện khác để nuôi con. Cháu Y có nguyện vọng được ở với chị T. Anh Th đi làm ăn nơi khác và không thường xuyên về nhà. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận đề nghị của chị T. Khi ly hôn, giao con chung là Y cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian giao con từ tháng 02 năm 2021 đến khi con chung thành niên và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là phù hợp các quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4]. **Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung, công sức chung:** Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. **Về án phí:** Chị Hà Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147. Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T ly hôn anh Lê Văn Th.

2. Về con chung: Khi ly hôn, giao con chung là Y, sinh ngày 18/3/2013 cho chị Hà Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Thời gian giao con từ tháng 02 năm 2021 đến khi con chung thành niên; Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000241 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị T đã thi hành xong tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giang;
- Chi cục thi hành án huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Cao An;
- Các đương sự;
- Lưu VP TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thúy Hằng

